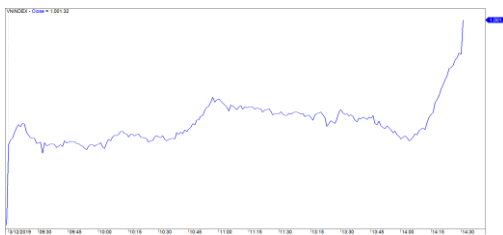


Market Today: Xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index được nâng lên mức TĂNG 12/03/2019

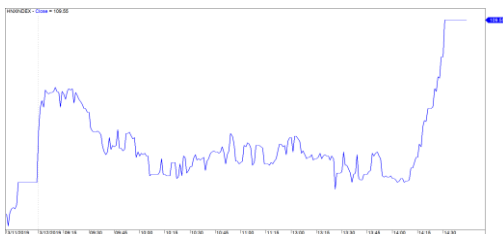
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	1,001.32	109.55	56.57
% ngày	1.70%	1.14%	0.95%
% tuần	0.89%	1.21%	1.05%
% tháng	6.80%	3.31%	1.67%
% năm	-11.10%	-15.12%	-7.73%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	4,578	692	407
TB 1 tuần	4,273	638	312
TB 1 tháng	4,504	584	329
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	692.59	10.80	53.15
Bán	663.92	28.39	58.08
Giá trị ròng	28.66	-17.60	-4.93
Độ rộng TT			
Mã Tăng	202	101	177
Mã Giảm	112	71	99
Không Đổi	71	210	580
Chỉ số chính			
P/E	16.74	10.14	17.07
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,230	203	988
LS Cổ tức	2.97%	4.05%	4.71%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNXINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường Châu Á tiếp tục có một phiên giao dịch tích cực khi sắc xanh phủ trên diện rộng và dẫn đầu đà tăng điểm là chỉ số Nikkei tăng 1.79% và chỉ số VN-Index của Việt Nam tăng 1.70%. Ngoài ra còn nhiều thị trường khác cũng có mức tăng trên 1% như Trung Quốc, Hongkong, Ấn Độ.

Cuối phiên giao dịch hôm nay 12/03/2019, thị trường đã có sự bứt phá mạnh mẽ và khối ngân hàng đã dẫn dắt thị trường giúp VN-Index tăng 16.72 điểm lên 1001.32 điểm. Dòng tiền hôm nay đã có sự phân hoá cho nhiều nhóm ngành: từ Bất động sản, dệt may, dầu khí, công nghệ và tiêu biểu là lực kéo của vào nhóm Ngân hàng trước khi đóng cửa phiên. Nhóm cổ phiếu bluechips cũng hoạt động rất tích cực GAS, FPT, NVL, SAB, VHM, VRE và đã hỗ trợ cho thị trường vượt nhẹ mức kháng cự 1,000 điểm.

Sàn Hà Nội, chỉ số HNX-Index đóng cửa tại 109.55 điểm (tăng 1.14%) với SHB, VGC, PVS, ACB tăng đáng kể đã mang sắc xanh về. Chỉ số Upcom-Index cũng tăng 0.95% và đóng cửa tại 56.57 điểm. Thanh khoản đã được cải thiện đáng kể, thị trường ghi nhận hơn 5900 tỷ đồng được giao dịch: VN-Index đạt 4802.35 tỷ, HNX-Index đạt 692.05 tỷ và UPCOM-Index đạt 407.05 tỷ.

Khối ngoại hôm nay mua ròng 28.66 tỷ trên HSX nhưng lại bán ròng hơn 22 tỷ trên HNX và UPCOM. CCQ E1VFN30 hôm nay đã hạ nhiệt bớt, khối ngoại tập trung vào nhóm ngân hàng, nhóm cổ phiếu nhà Vingroup và 1 số mã thuộc nhóm bluechips như NVL, BWE, CTD...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục đà tăng và vượt hoàn toàn mức 1,000 điểm của chỉ số VN-Index. Đồng thời, dòng tiền ngắn hạn có dấu hiệu gia tăng trở lại ở nhóm cổ phiếu Largecaps, đặc biệt là nhóm cổ phiếu ngân hàng cho thấy khả năng vượt mức đỉnh cũ được đánh giá khá cao và chắc chắn hơn. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tăng nhẹ cho thấy cơ hội giải ngân mới quay trở lại, nhưng chúng tôi đánh giá mức độ phân hóa sẽ gia tăng trong ngắn hạn.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi nâng mức xu hướng ngắn hạn của chỉ số VN-Index từ GIẢM lên TĂNG và duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn của chỉ số HNX-Index với mức cắt lỗ ở mức 106.49 điểm. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và nên chú ý vào xu hướng ở từng cổ phiếu, đặc biệt là nhóm cổ phiếu Largecaps như ngân hàng, tiêu dùng, công nghệ...

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 70% cổ phiếu/30% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	TĂNG	1,000	1,025	960	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	108	110	105	101
Chỉ số VN30	GIẢM	TĂNG	946	995	900	860
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	1,020	1,079	995	932
Chỉ số VNSmallcaps	TĂNG	TĂNG	815	835	786	769



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	16,450	GIẢM	GIẢM		17,053				16,605		
ACB	30,900	TĂNG	GIẢM	30,200	29,599	2.32%			33,291		
ACV	87,600	TĂNG	TĂNG	88,300	86,517	-0.79%		90,000	79,485	-2.67%	
ANV	27,800	TĂNG	GIẢM	27,200	27,677	2.21%			31,024		
ASM	8,470	TĂNG	GIẢM	8,690	8,241	-2.53%			9,351		
BFC	21,500	GIẢM	GIẢM		22,465				24,499		
BID	35,500	TĂNG	TĂNG	34,600	33,263	2.60%		33,400	29,888	6.29%	
BMP	53,000	TĂNG	GIẢM	50,800	51,474	4.33%			54,542		
BSR	14,000	TĂNG	GIẢM	13,100	13,766	6.87%			15,250		
BVH	95,800	TĂNG	TĂNG	94,400	93,088	1.48%		86,000	88,082	11.40%	
BWE	26,100	TĂNG	TĂNG	25,700	24,650	1.56%		20,000	22,133	30.50%	
CEO	13,500	TĂNG	GIẢM	13,500	13,440	0.00%			14,755		
CHP	22,500	GIẢM	TĂNG		23,500			23,000	20,825	-2.17%	
CII	23,900	TĂNG	GIẢM	24,550	22,663	-2.65%			25,832		
CMX	19,950	TĂNG	TĂNG	17,600	16,856	13.35%		5,910	13,022	237.56%	
CSM	15,600	TĂNG	TĂNG	15,600	15,214	0.00%	MUA	14,390	13,911	8.41%	
CTD	141,900	TĂNG	GIẢM	141,100	132,736	0.57%			152,115		
CTG	22,100	TĂNG	GIẢM	19,550	20,500	13.04%			22,209		
CTI	25,400	TĂNG	TĂNG	25,900	24,268	-1.93%		26,850	23,186	-5.40%	
CVT	24,750	TĂNG	TĂNG	19,900	24,059	24.37%		22,550	19,811	9.76%	
DCM	9,230	TĂNG	GIẢM	9,200	8,998	0.33%			9,978		
DGC	44,300	TĂNG	GIẢM	44,000	42,732	0.68%			47,020		
DGW	22,700	GIẢM	GIẢM		23,737				25,127		
DHA	35,000	TĂNG	TĂNG	32,250	32,547	8.53%		29,100	29,132	20.27%	
DHC	32,850	TĂNG	TĂNG	32,700	32,821	0.46%		35,200	29,262	-6.68%	
DHG	118,500	TĂNG	TĂNG	77,500	114,405	52.90%		93,000	97,488	27.42%	
DIG	16,250	TĂNG	TĂNG	16,000	15,924	1.56%		16,250	15,822	0.00%	MUA
DPG	49,650	TĂNG	GIẢM	46,800	46,286	6.09%			52,441		
DPM	20,750	GIẢM	TĂNG		21,366			19,400	19,804	6.96%	
DPR	42,200	TĂNG	TĂNG	32,600	38,703	29.45%		35,950	36,910	17.39%	
DQC	29,800	TĂNG	TĂNG	27,700	27,718	7.58%		31,000	26,186	-3.87%	
DRC	24,050	TĂNG	GIẢM	22,200	22,083	8.33%			24,379		
DXG	24,700	GIẢM	GIẢM		25,896				26,665		
EIB	17,700	TĂNG	TĂNG	17,800	16,435	-0.56%		14,700	16,280	20.41%	
FCN	15,550	TĂNG	GIẢM	13,900	14,955	11.87%			15,658		
FMC	29,150	GIẢM	TĂNG		30,283			24,700	27,888	18.02%	
FPT	46,500	TĂNG	TĂNG	46,500	45,823	0.00%	MUA		45,324		
GAS	101,900	TĂNG	TĂNG	89,900	99,573	13.35%		101,000	100,384	0.89%	MUA
GEX	23,550	GIẢM	TĂNG		24,227			24,700	21,615	-4.66%	
GIL	38,700	GIẢM	TĂNG		40,745			39,000	35,350	-0.77%	

We Create Fortune

GMD	27,700	TĂNG	GIẢM	27,500	27,122	0.73%			29,123	
GTN	16,400	TĂNG	TĂNG	10,400	15,209	57.69%		15,000	10,911	9.33%
HAG	5,800	TĂNG	TĂNG	5,080	5,756	14.17%		5,650	4,877	2.65%
HAX	17,050	TĂNG	GIẢM	17,200	16,485	-0.87%			17,965	
HBC	20,300	TĂNG	TĂNG	16,800	19,873	20.83%		20,250	15,815	0.25%
HCM	29,300	GIẢM	TĂNG		30,926			28,000	24,735	4.64%
HDB	30,900	TĂNG	GIẢM	31,000	29,679	-0.32%			33,267	
HDC	15,950	TĂNG	TĂNG	15,300	14,118	4.25%			14,709	
HDG	42,300	TĂNG	TĂNG	35,950	39,574	17.66%		37,400	33,787	13.10%
HNG	15,000	GIẢM	GIẢM	15,100	15,230	0.86%	BÁN		16,554	
HPG	33,850	TĂNG	TĂNG	29,500	33,352	14.75%		33,900	29,668	-0.15%
HSG	9,450	TĂNG	TĂNG	6,860	9,192	37.76%		9,300	6,859	1.61%
HT1	15,700	TĂNG	TĂNG	14,150	15,490	10.95%		14,800	13,681	6.08%
HUT	4,100	TĂNG	GIẢM	3,800	3,870	7.89%			4,302	
HVN	41,200	TĂNG	TĂNG	42,900	40,015	-3.96%		39,000	34,635	5.64%
KBC	15,350	TĂNG	TĂNG	14,250	14,524	7.72%		13,450	13,061	14.13%
KDH	31,500	GIẢM	TĂNG		31,751			33,000	28,436	-4.55%
KSB	29,800	TĂNG	TĂNG	26,300	28,073	13.31%		28,900	23,712	3.11%
LCG	10,800	TĂNG	TĂNG	8,230	10,137	31.23%		9,200	8,391	17.39%
LDG	14,100	TĂNG	GIẢM	14,950	13,862	-5.69%			16,826	
LHG	22,500	TĂNG	TĂNG	20,550	20,014	9.49%			20,947	
LPB	9,300	TĂNG	GIẢM	9,100	8,795	2.20%			9,825	
LSS	6,050	GIẢM	GIẢM		6,257				7,068	
MBB	22,550	TĂNG	TĂNG	22,550	22,439	0.00%	MUA	21,850	19,807	3.20%
MPC	44,500	GIẢM	TĂNG		47,052			47,500	39,995	-6.32%
MSN	88,500	TĂNG	TĂNG	82,300	87,131	7.53%		89,000	79,754	-0.56%
MSR	20,900	TĂNG	TĂNG	20,900	19,914	0.00%	MUA		20,804	
MWG	88,500	GIẢM	GIẢM		89,775				92,376	
NDN	14,300	TĂNG	TĂNG	12,500	12,854	14.40%			13,356	
NKG	7,280	GIẢM	GIẢM		7,882				7,821	
NLG	27,200	TĂNG	GIẢM	26,100	26,163	4.21%			28,488	
NT2	29,500	GIẢM	TĂNG		29,659			25,900	26,915	13.90%
NTL	17,500	GIẢM	TĂNG		18,868			10,450	16,285	67.46%
NVL	62,500	TĂNG	GIẢM	62,500	60,290	0.00%	MUA		63,950	
OIL	14,400	GIẢM	GIẢM		15,071				16,188	
PAC	38,100	TĂNG	GIẢM	38,000	37,250	0.26%			40,367	
PC1	24,000	GIẢM	GIẢM		24,531				25,195	
PDR	28,200	TĂNG	TĂNG	26,150	25,938	7.84%			27,684	
PHR	49,150	TĂNG	TĂNG	29,300	45,347	67.75%		24,000	37,920	104.79%
PLX	62,000	TĂNG	TĂNG	60,400	58,532	2.65%			60,986	
PNJ	99,900	GIẢM	GIẢM		101,001				101,983	
POW	16,350	GIẢM	TĂNG		17,085			16,550	14,933	-1.21%
PPC	25,600	TĂNG	TĂNG	18,550	22,899	38.01%		19,700	21,317	29.95%
PTB	64,500	TĂNG	TĂNG	60,200	61,181	7.14%		64,000	56,808	0.78%
PVD	18,800	TĂNG	TĂNG	15,500	17,877	21.29%		18,500	17,923	1.62%
PVI	35,200	TĂNG	TĂNG	32,900	34,101	6.99%		33,000	30,966	6.67%

We Create Fortune

PVS	21,600	TĂNG	TĂNG	18,900	20,848	14.29%		21,100	17,746	2.37%	
PXS	4,720	TĂNG	GIẢM	4,280	4,565	10.28%			4,840		
QNS	44,500	TĂNG	TĂNG	44,500	43,539	0.00%	MUA	41,500	3,507	7.23%	
REE	34,700	TĂNG	TĂNG	34,500	33,069	0.58%		35,100	30,697	-1.14%	
SAB	252,000	TĂNG	TĂNG	252,000	249,437	0.00%	MUA	245,000	227,704	2.86%	
SAM	7,500	TĂNG	TĂNG	7,090	7,245	5.78%		7,400	6,782	1.35%	
SCR	7,610	GIẢM	GIẢM		7,920				8,128		
SHI	8,160	TĂNG	TĂNG	6,850	8,067	19.12%		6,990	7,199	16.74%	
SJS	21,850	TĂNG	TĂNG	18,800	20,789	16.22%		18,100	18,742	20.72%	
SKG	15,350	TĂNG	GIẢM	15,400	14,746	-0.32%			17,149		
SSI	28,800	TĂNG	GIẢM	26,900	27,783	7.06%			29,029		
STB	12,700	GIẢM	TĂNG		13,075			13,000	11,486	-2.31%	
TCB	26,800	GIẢM	GIẢM		27,296				N/A		
TCM	33,400	TĂNG	TĂNG	24,350	31,185	37.17%		28,000	25,587	19.29%	
TDH	11,650	TĂNG	TĂNG	10,300	11,327	13.11%		11,650	9,685	0.00%	
TLH	5,520	TĂNG	GIẢM	5,000	5,144	10.40%			5,686		
TNG	24,000	TĂNG	TĂNG	18,000	21,208	33.33%		12,000	16,238	100.00%	
VCB	64,800	TĂNG	TĂNG	64,800	64,091	0.00%	MUA	62,000	56,207	4.52%	
VCG	28,800	TĂNG	TĂNG	25,100	26,939	14.74%		19,200	22,974	50.00%	
VFG	38,000	GIẢM	TĂNG		38,487			34,394	34,815	10.49%	
VGC	21,800	TĂNG	TĂNG	16,300	20,558	33.74%		19,100	18,360	14.14%	
VGT	12,700	TĂNG	GIẢM	11,600	11,884	9.48%			13,091		
VHC	92,000	GIẢM	GIẢM		98,013				105,200		
VHM	92,300	GIẢM	TĂNG		95,528			80,000	79,248	15.38%	
VIB	19,400	TĂNG	GIẢM	18,000	18,407	7.78%			19,666		
VIC	118,600	TĂNG	TĂNG	109,100	115,164	8.71%		112,000	104,016	5.89%	
VIP	7,490	TĂNG	TĂNG	7,000	7,331	7.00%		7,350	6,867	1.90%	
VJC	120,500	GIẢM	GIẢM		123,327				130,367		
VND	17,700	TĂNG	GIẢM	16,800	17,063	5.36%			18,694		
VNG	23,000	TĂNG	TĂNG	18,301	21,924	25.67%		16,008	20,392	43.68%	
VNM	139,000	GIẢM	TĂNG		143,842			140,200	132,859	-0.86%	
VPB	21,500	TĂNG	GIẢM	20,200	20,577	6.44%			22,887		
VPI	41,350	GIẢM	GIẢM		41,972				43,124		
VRC	17,900	TĂNG	GIẢM	18,400	17,325	-2.72%			19,388		
VRE	36,700	TĂNG	TĂNG	30,400	32,945	20.72%		35,000	29,425	4.86%	
VSC	44,050	TĂNG	GIẢM	42,700	43,004	3.16%			45,128		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	1,001.32	1.70%
VN30	929.86	1.49%
VN Mid	1,024.69	0.84%
VN Small	831.97	0.57%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	109.55	1.14%
HN30	201.98	1.49%
VNX AllSh	903.92	1.35%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	56.57	0.95%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	692.59	
Bán	663.92	
GT rỗng	28.66	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	10.80	
Bán	28.39	
GT rỗng	-17.60	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	53.15	
Bán	58.08	
GT rỗng	-4.93	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SZL	2650	6.97%
STK	1450	6.90%
HVG	440	6.90%
PPC	1650	6.89%
DRC	1550	6.89%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SHB	300	3.85%
PVS	700	3.35%
BCC	200	2.86%
VGC	500	2.35%
NDN	300	2.14%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SNZ	2400	14.81%
VEF	11900	11.01%
MSR	1600	8.29%
LTG	1500	6.05%
VTP	7800	4.12%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
YEG	-11100	-6.99%
FIT	-220	-6.49%
DCL	-1100	-6.25%
FTM	-900	-4.90%
HNG	-500	-3.23%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HUT	-100	-2.38%
DBC	-400	-1.71%
VIX	-100	-1.14%
TNG	-200	-0.83%
CEO	-100	-0.74%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PXL	-900	-14.52%
TSJ	-1300	-13.13%
SDI	-2200	-3.48%
NTC	-2400	-1.99%
BSR	-100	-0.71%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	377,569	
VHM	301,456	
VNM	239,618	
VCB	232,176	
GAS	191,778	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	37,914	
VCG	12,633	
VCS	10,427	
PVS	9,989	
VGC	9,550	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	190,741	
VEA	64,651	
MCH	62,168	
HVN	57,958	
VGI	52,077	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ITA	10,448,250	4,260,795
CTG	9,518,570	6,585,597
STB	7,615,000	4,598,226
FLC	7,430,250	10,576,113
ROS	7,355,020	4,527,997

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	19,839,660	7,438,941
HUT	4,252,307	2,222,552
VGC	3,168,263	5,107,647
PVS	3,147,824	4,416,128
PVX	2,937,243	2,234,484

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
TSJ	2,535,400	126,055
BSR	1,959,470	1,863,800
QNS	1,534,596	257,030
HVN	1,432,746	1,050,868
LPB	1,004,199	1,108,941

Nguồn: Bloomberg & YSVN

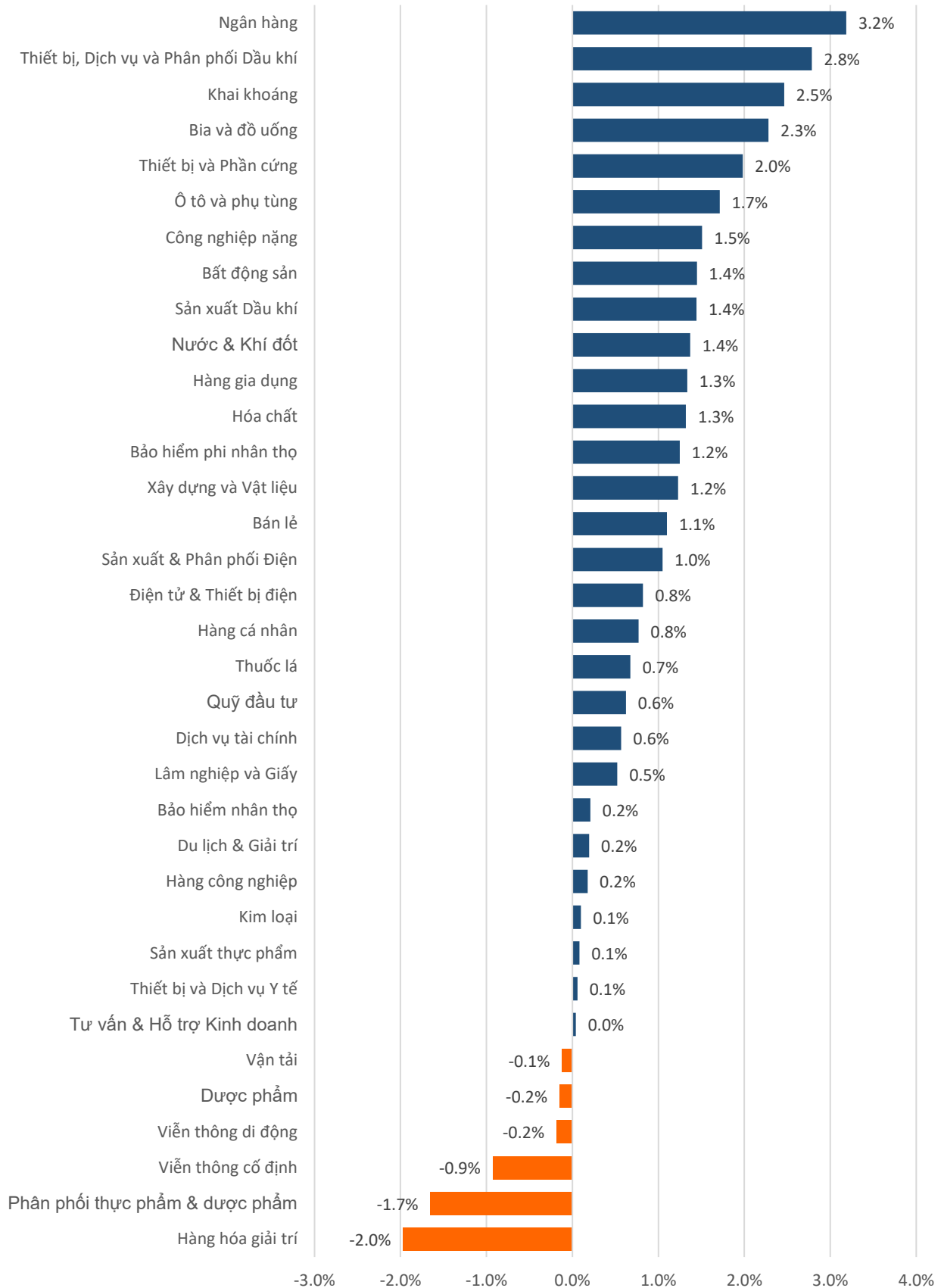
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



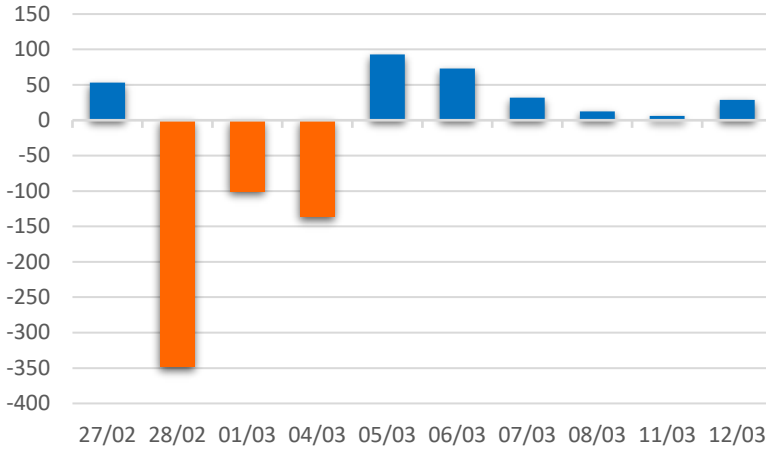
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

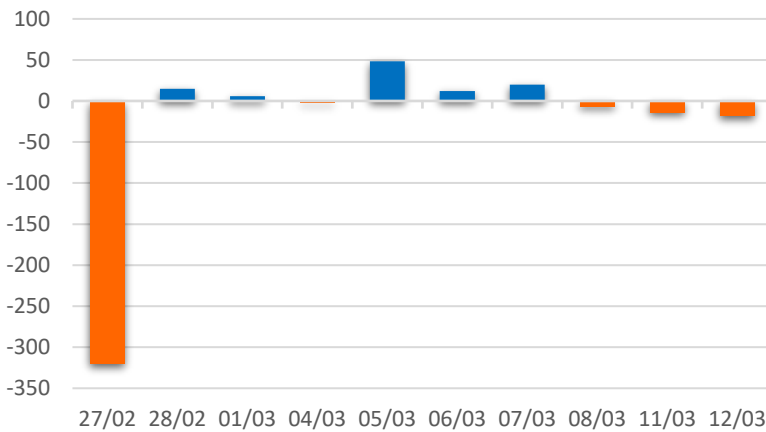
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
NVL	39,248	VNM	50,258
VRE	32,210	HPG	35,620
VHM	26,106	VJC	22,477
BWE	17,466	HBC	20,230
CTD	15,405	YEG	16,208

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

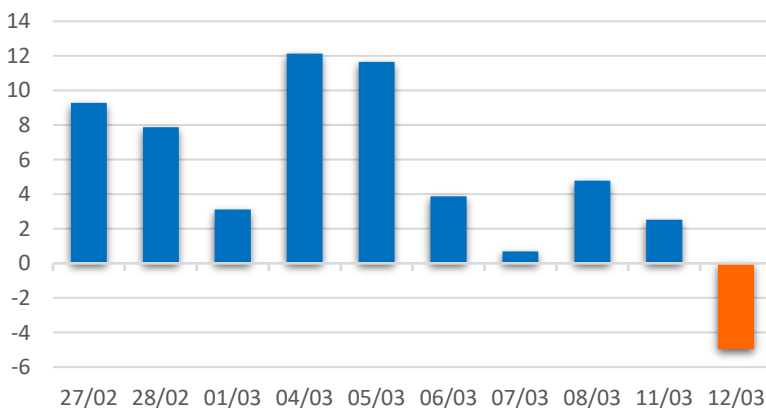
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HHP	499	VGC	5,928
PVX	132	PVS	3,494
TIG	125	HUT	2,098
AMV	50	VGS	1,774
IDV	50	SHS	970

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
HVN	5,026	BSR	14,009
VTP	4,811	QNS	3,113
VEA	1,978	PXL	1,343
ACV	1,909	MSR	491
LTG	453	BSP	273

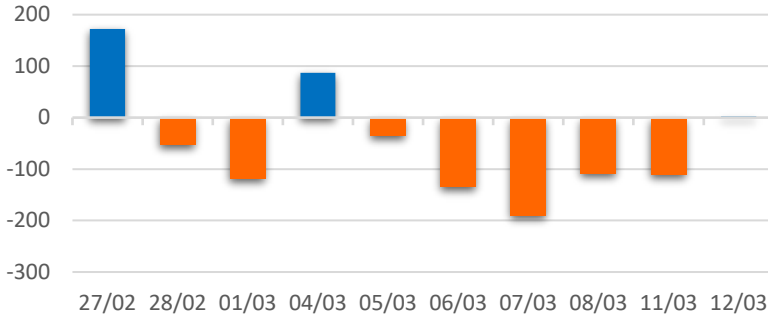
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

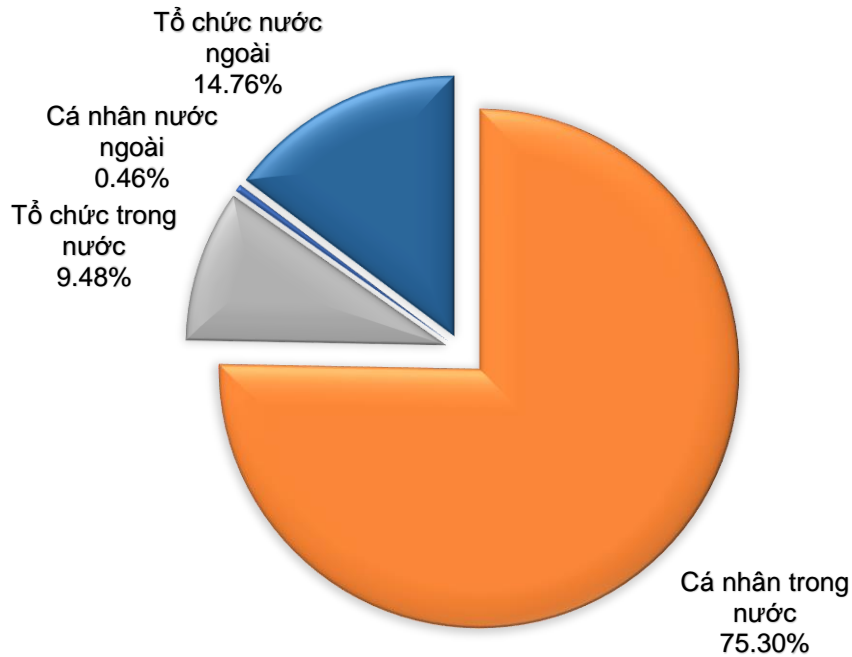
Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng
(tỷ đồng)



Mã CK	Giá trị đặt mua (tr. VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (tr. VND)
VIC	21,843	VHM	95,534
MBB	20,571	E1VFN30	13,485
VNM	13,071	MBB	10,015
VHM	12,127	PPC	8,778
TCB	10,629	FPT	8,476

Top 5 các mã đặt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

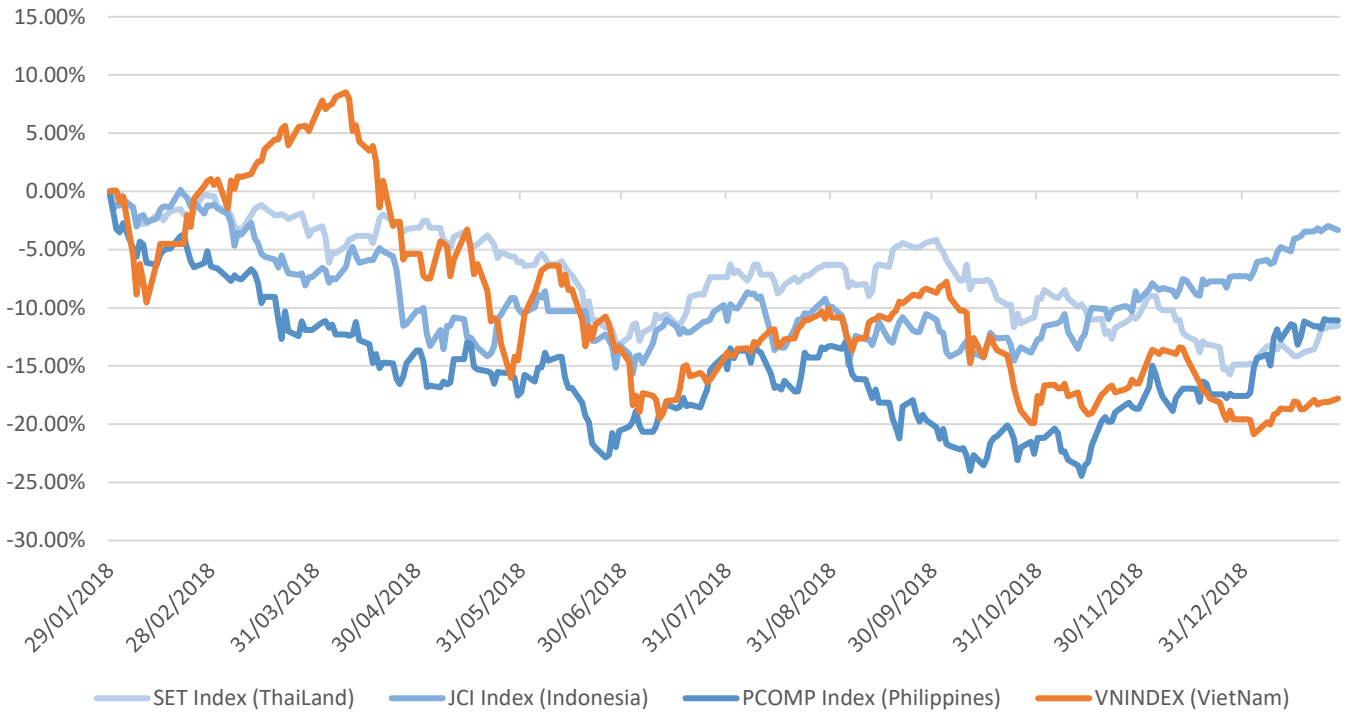


Nguồn: FinPro – YSVN



We Create Fortune

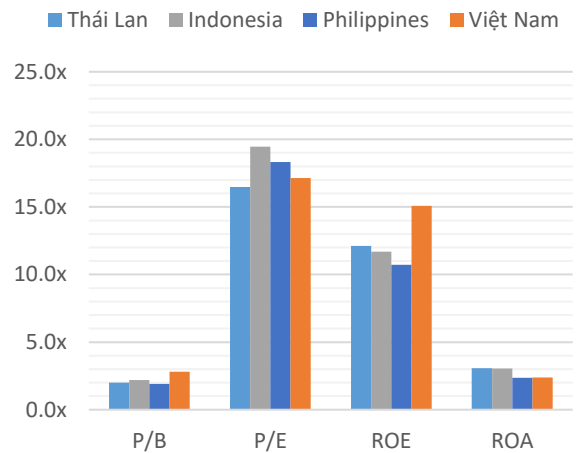
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.2x	1.9x	2.8x
P/E		16.5x	19.5x	18.3x	17.1x
ROE	%	12.11	11.70	10.72	15.08
ROA	%	3.08	3.04	2.36	2.38
Vốn hóa	Tỷ USD	519.50	431.00	164	137.00
GTGD	Triệu USD	1.40	0.28	0.05	0.15
LS cổ tức	%	3.16	2.33	1.65	2.11

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh

Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written